

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

HỢP NHẤT

QUÝ 2 NĂM 2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017

Đơn vị tính : VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A- TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		2.141.376.557.257	2.228.327.496.807
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	1	37.365.074.852	93.575.358.513
1. Tiền	111		33.865.074.852	84.775.358.513
2. Các khoản tương đương tiền	112		3.500.000.000	8.800.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	2	18.040.000.000	12.000.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		18.040.000.000	12.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.141.127.526.153	1.359.914.641.509
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	3	631.858.127.402	753.907.767.861
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4	168.354.544.419	199.660.247.752
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ KH hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5	165.800.000.000	175.800.000.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	6	295.608.969.745	351.759.775.377
7. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	137		(121.674.622.865)	(121.741.445.696)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		1.180.507.452	528.296.215
IV. Hàng hoá tồn kho	140		882.363.513.722	725.636.172.048
1. Hàng hoá tồn kho	141	7	908.932.590.406	752.991.256.352
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(26.569.076.684)	(27.355.084.304)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		62.480.442.530	37.201.324.737
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	8	7.907.999.353	2.421.187.265
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		54.174.142.540	34.534.055.884
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà Nước	153	16	398.300.637	246.081.588
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		2.915.782.757.813	2.623.556.840.498
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		468.198.231.294	454.274.701.237
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215	5	6.672.000.000	6.780.000.000
6. Phải thu dài hạn khác	216	6	461.526.231.294	447.494.701.237
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		1.137.209.162.861	1.091.758.365.140
1. TSCĐ hữu hình	221	9	1.115.900.604.065	1.037.123.484.126
- Nguyên giá	222		2.631.441.189.831	2.508.810.816.322
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.515.540.585.766)	(1.471.687.332.196)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
2. TSCĐ thuê tài chính	224	10	17.990.883.679	51.322.242.235
- Nguyên giá	225		25.574.183.683	67.063.327.205
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(7.583.300.004)	(15.741.084.970)
3. TSCĐ vô hình	227	11	3.317.675.117	3.312.638.779
- Nguyên giá	228		3.528.452.880	3.582.749.880
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(210.777.763)	(270.111.101)
III. Bất động sản đầu tư	230		13.631.576.664	13.872.843.510
- Nguyên giá	231		14.476.010.625	14.476.010.625
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(844.433.961)	(603.167.115)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	12	570.838.383.928	409.423.525.744
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		570.838.383.928	409.423.525.744
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		660.561.912.611	594.215.146.190
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	2	568.384.875.151	497.074.070.480
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	2	128.215.080.199	128.215.080.199
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254		(36.038.042.739)	(31.074.004.489)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		65.343.490.455	60.012.258.677
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	8	26.875.840.121	19.225.277.235
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		559.844.637	78.728.071
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269	13	37.907.805.697	40.708.253.371
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		5.057.159.315.070	4.851.884.337.305
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		3.463.428.306.389	3.222.361.919.692
I. Nợ ngắn hạn	310		1.844.310.564.262	1.659.106.043.134
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	238.452.795.208	293.323.627.206
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	15	23.498.465.958	22.250.405.620
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà Nước	313	16	18.833.805.016	21.215.506.139
4. Phải trả cho người lao động	314	17	54.336.846.691	118.109.083.710
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	6.230.005.747	3.807.284.597
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả tiến độ KH của hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		466.809.868	733.436.600
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	19	83.826.599.433	30.793.899.029
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	20	1.393.964.537.345	1.163.931.859.086
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	21	-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	22	24.700.698.996	4.940.941.147
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		1.619.117.742.127	1.563.255.876.558
1. Phải trả người bán dài hạn	331		13.696.554.620	13.171.713.436
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		12.629.848.004	14.208.579.002

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
7. Phải trả dài hạn khác	337	19	13.553.500.000	13.553.500.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	20	1.575.058.894.805	1.518.098.659.349
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		4.178.944.698	4.223.424.771
13. Quỹ phát triển khoa học công nghệ	343		-	-
D- VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.593.731.008.681	1.629.522.417.613
I. Vốn chủ sở hữu	410		1.593.731.008.681	1.629.522.417.613
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	23	733.505.810.000	733.505.810.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		733.505.810.000	733.505.810.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	23	35.309.411.225	35.309.411.225
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	23	327.632.237.341	308.988.929.341
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	23	381.828.119	381.828.119
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	23	376.356.894.853	419.038.786.551
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ tr	421a		239.816.068.211	118.640.428.138
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		136.540.826.642	300.398.358.413
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	24	120.544.827.143	132.297.652.377
II. Nguồn kinh phí và các quỹ	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		5.057.159.315.070	4.851.884.337.305

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 7 năm 2017

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC

PHÓ. TỔNG GIÁM ĐỐC

NGƯỜI LẬP BIỂU

KÊ TOÁN TRƯỞNG



Lê Thị Tú Anh



Đặng Thanh Phước



Bùi Thị Thu

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
QUÝ 2 NĂM 2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này			
			Quý 2 / 2017	Quý 2 / 2016	Năm 2017	Năm 2016
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VII.1	756.717.987.150	793.501.303.593	1.393.147.653.082	1.522.688.838.599
2. Các khoản giảm trừ	03		537.211.604	24.022.601	1.107.474.956	50.456.775
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VII.1	756.180.775.546	793.477.280.992	1.392.040.178.126	1.522.638.381.824
4. Giá vốn hàng bán	11	VII.2	682.879.737.471	652.069.735.338	1.216.178.839.565	1.295.134.502.447
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		73.301.038.075	141.407.545.654	175.861.338.561	227.503.879.377
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VII.3	10.092.750.260	3.313.108.748	21.012.424.728	39.523.552.099
7. Chi phí tài chính	22	VII.4	40.285.047.037	36.530.900.392	71.762.967.526	67.383.725.456
Trong đó: chi phí lãi vay	23		31.996.161.816	27.314.519.227	62.324.294.171	58.984.636.897
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	24		99.301.951.394	111.588.910.301	150.132.345.282	134.855.452.885
9. Chi phí bán hàng	25	VII.5	21.129.909.504	24.700.320.988	43.311.583.770	46.223.835.878
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VII.6	37.008.384.369	31.990.408.847	82.508.340.502	72.943.824.722
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		84.272.398.819	163.087.934.477	149.423.216.773	215.331.498.306
12. Thu nhập khác	31	VII.7	(3.274.544.363)	6.670.536.473	7.995.997.590	7.027.714.174
13. Chi phí khác	32	VII.8	(932.264.547)	6.005.411	18.933.154.051	42.482.883
14. Lợi nhuận khác	40		(2.342.279.816)	6.664.531.062	(10.937.156.461)	6.985.231.291
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		81.930.119.003	169.752.465.539	138.486.060.312	222.316.729.597
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		830.308.605	569.934.312	1.298.837.579	738.205.572
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		23.109.403	23.109.415	46.218.806	46.218.818
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		81.076.700.995	169.159.421.812	137.141.003.927	221.532.305.207
18. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		582.398.315	17.152.453	600.177.285	(643.613.286)
18. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	62		80.494.302.680	169.142.269.359	136.540.826.642	222.175.918.493
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VII.9	1.097	2.173	1.861	2.896

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 7 năm 2017

NGƯỜI LẬP BIỂU



Lê Thị Tú Anh

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Đặng Thanh Phước



TỔNG GIÁM ĐỐC
 PHỤ TÔNG GIÁM ĐỐC



Bùi Thị Thu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp trực tiếp)
 QUÝ 2 NĂM 2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	QUÝ 2		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý	
			Năm 2017	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2016
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh						
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		1.016.025.261.688	1.048.206.941.070	1.755.534.011.180	2.057.648.749.575
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(959.770.828.743)	(815.090.509.785)	(1.603.738.378.705)	(1.611.002.921.189)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(81.518.676.549)	(113.750.161.962)	(204.480.533.592)	(217.641.436.583)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(36.680.115.193)	(42.207.340.159)	(51.783.270.240)	(66.711.185.677)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(181.611.445)	(168.271.260)	(3.488.256.233)	(839.174.608)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		13.100.357.850	50.884.175.738	65.313.053.531	78.573.783.333
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(36.118.359.117)	(81.040.667.631)	(111.737.849.081)	(122.081.698.351)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(85.143.971.510)	46.834.166.011	(154.381.223.141)	117.946.116.500
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư						
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(99.368.927.120)	(121.102.989.833)	(212.294.244.845)	(177.749.935.218)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		744.000.000	-	744.000.000	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(11.240.000.000)	-	(11.440.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		6.208.000.000	6.400.000.000	15.508.000.000	14.600.000.000
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	27.000.000	(7.729.425.649)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		(5.000.000.000)	-	-	56.000.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		165.052.004.262	196.435.021.571	173.454.934.146	211.842.497.979
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		57.256.517.142	85.636.806.708	(40.893.296.348)	110.940.837.731
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính						
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-	-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-	-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		1.185.543.976.102	1.044.486.414.308	2.076.200.821.883	2.015.593.005.869
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(1.098.495.553.036)	(1.203.350.623.257)	(1.838.727.729.691)	(2.171.090.667.567)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35		(480.877.353)	257.499.999	(961.754.706)	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(50.215.934.840)	(76.553.761.785)	(98.431.798.350)	(118.477.785.625)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		36.351.610.873	(235.160.470.736)	138.079.539.136	(273.975.447.323)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		8.466.156.506	(102.689.498.017)	(57.194.980.352)	(45.088.493.092)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	VI.1	28.753.007.472	167.258.903.236	93.575.358.513	110.201.205.897
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		145.910.874	401.946.668	984.696.691	(141.360.918)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	VI.1	37.365.074.852	64.971.351.887	37.365.074.852	64.971.351.887

NGƯỜI LẬP BIỂU



Lê Thị Tú Anh

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Đặng Thanh Phước



KIỂM TỐN GIÁM ĐỐC
 PHÓ TỐN GIÁM ĐỐC

Bùi Thị Thu

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tầng Nhon Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2 NĂM 2017

Cho quý kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty cổ phần Phong Phú (sau đây gọi tắt là “Tổng Công ty” hay “Công ty mẹ”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Tổng Công ty kinh doanh trong nhiều lĩnh vực khác nhau.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Tổng Công ty là: Sản xuất, mua bán sợi, vải, khăn, chỉ may, chỉ thêu, sản phẩm may mặc và thời trang (trừ tấy, nhuộm, hồ in trên sản phẩm dệt, may đan, gia công hàng đã qua sử dụng); Nhuộm và hoàn tất vải; Mua bán hóa chất, thuốc nhuộm (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh); Mua bán máy móc thiết bị, vật tư, phụ tùng, phụ liệu ngành dệt – nhuộm – may; Sản xuất sợi, sợi nhân tạo (trừ tái chế thải); Buôn bán tơ, xơ, sợi dệt, hàng may mặc; Sản xuất và kinh doanh nước khoáng, bia, rượu, nước giải khát các loại; Sản xuất và kinh doanh các loại bao bì phục vụ cho ngành bia rượu, nước giải khát; Kinh doanh dịch vụ vận tải,..

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Tập đoàn

Tập đoàn bao gồm hợp Công ty mẹ và 06 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Toàn bộ các công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính nhất này.

5a. Danh sách các Công ty con được hợp nhất

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối quý	Số đầu năm	Số cuối quý	Số đầu năm
Công ty cổ phần dệt Đông Nam	Số 727 Âu Cơ, phường Tân Thành, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh	Sản xuất các sản phẩm dệt	60.99%	60.99%	60.99%	60.99%
Công ty cổ phần dệt may Nha Trang	Xã Vĩnh Phương, TP. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa	Sản xuất các sản phẩm dệt	51.97%	51.97%	51.97%	51.97%
Công ty cổ phần thương mại và sản xuất Phú Trà	Đường số 3, lô B, Khu công nghiệp Hòa Khánh, TP. Đà Nẵng	Sản xuất vải dệt thoi, nhuộm sợi, nhuộm và hoàn tất vải	60.74%	60.74%	60.74%	60.74%
Công ty TNHH Linen Supply Services	Nhà xưởng A, Khu Công nghiệp Giang Điền, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai	Sản xuất các sản phẩm may mặc	60.00%	60.00%	60.00%	60.00%
Công ty CP Dệt may Quảng Phú	Thôn Hạnh Trí, Xã Quảng Sơn, Huyện Ninh Sơn, Tỉnh Ninh Thuận	Sản xuất, mua bán bông, xơ, sợi, vải, sản phẩm may mặc. Mua bán hóa chất	71.00%	71.00%	71.00%	71.00%

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tầng Nhon Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2 NĂM 2017

Cho quý kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối quý	Số đầu năm	Số cuối quý	Số đầu năm
Công ty cổ phần đầu tư Khánh Phú	17 Hai Bà Trưng, phường Xương Huân, TP. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa	thuốc nhuộm, máy móc thiết bị ngành dệt may Kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn hạn và kinh doanh bất động sản	35.63%	35.63%	68,56%	68,56%

5b. Danh sách các Công ty liên kết được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH Coats Phong Phú	Số 48 Tầng Nhon Phú, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP Hồ Chí Minh	Sản xuất, mua bán bông, xơ, sợi	35.00%	35.00%
Công ty cổ phần đầu tư phát triển Phong Phú	Tòa nhà Gilimex, tầng 12-2, 24C Phan Đăng Lưu, phường 6, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	Kinh doanh dịch vụ vận chuyển, giao nhận, dịch vụ xuất khẩu	26.93%	26.93%
Công ty cổ phần đầu tư phát triển nhà và đô thị HUD Sài Gòn	Số 159 Điện Biên Phủ, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	Đầu tư, xây dựng, kinh doanh bất động sản	21.51%	21.51%
Công ty cổ phần may Đà Lạt	Số 09 Phù Đổng Thiên Vương, TP.Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng	Sản xuất, kinh doanh sản phẩm dệt may, nguyên phụ liệu, máy móc thiết bị ngành dệt may	40%	40%
Công ty TNHH xây dựng Phong Đức	Số 9/7 đường số 3, phường Bình Trưng Đông, quận 2, TP. Hồ Chí Minh	Sản xuất, mua bán bông, xơ, sợi, chỉ, sản phẩm dệt may. Mua bán vật tư, máy móc thiết bị ngành dệt.	35%	35%
Công ty cổ phần phát triển nhà Phong Phú Daewon Thủ Đức	Số 378 Minh Khai, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội	Kinh doanh dịch vụ vận chuyển, giao nhận	44.02%	44.02%
Công ty cổ phần đầu tư phát triển Phong Phú Lăng Cô	Thôn Phú Hải 2, xã Lộc vĩnh, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế	Xây dựng công trình dân dụng, kinh doanh tổng hợp, trồng và chăm sóc rừng, các dịch vụ du lịch, kinh doanh vật liệu xây dựng.	37.63%	37.63%
Công ty cổ phần xúc tiến thương mại và đầu tư Phong Phú	Số 168B Bùi Thị Xuân, phường Phạm Ngũ Lão, quận 1, TP. Hồ Chí Minh	Sản xuất, kinh doanh bông nguyên liệu nhập khẩu; sản xuất và xuất khẩu các loại khăn lông	41.26%	41.26%
Công ty cổ phần may Gia Phúc	48 Tầng Nhon Phú, Khu phố 3, Phường Tăng Nhơn Phú B, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh	Sản xuất và buôn bán hàng may mặc	25.00%	25.00%

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tầng Nhon Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2 NĂM 2017

Cho quý kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như Thông tư số 202/2014/TT-BTC thay thế cho phần XIII - Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 “Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con”. Các Thông tư này có hiệu lực áp dụng cho quý bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Tập đoàn áp dụng các Chuẩn mực kế toán, các Thông tư này và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc quý.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tăng Nhơn Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2 NĂM 2017

Cho quý kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất (thuộc phần vốn chủ sở hữu).

3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc quý được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc quý sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc quý được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của từng ngân hàng.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của từng ngân hàng (Ngân hàng Tập đoàn thường xuyên có giao dịch).

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

5. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Công ty liên doanh

Công ty liên doanh là doanh nghiệp được thành lập trên cơ sở thỏa thuận trên hợp đồng mà theo đó Tập đoàn và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của công ty liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên tham gia liên doanh.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tầng Nhon Phú, khu phố 3, phường Tầng Nhon Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2 NĂM 2017

Cho quý kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tập đoàn ghi nhận lợi ích của mình trong cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tập đoàn không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Tập đoàn so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc quý được ghi nhận vào chi phí tài chính.

6. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 06 tháng đến dưới 01 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc quý được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tăng Nhơn Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2 NĂM 2017

Cho quý kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang bao gồm:
 - Xây dựng dự án bất động sản: bao gồm chi phí xây dựng, lãi vay, quyền sử dụng đất và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.
 - Sản xuất sản phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.

Giá gốc của hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc quý được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán.

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 50
Máy móc và thiết bị	08 – 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 12
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05
Tài sản cố định hữu hình khác	03 – 05

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tăng Nhơn Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2 NĂM 2017

Cho quý kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

10. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Tập đoàn sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của máy móc thiết bị thuê tài chính từ 06 năm đến 10 năm.

11. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư của một phần của nhà chung cư thuộc sở hữu Tập đoàn được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê. Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Bất động sản đầu tư sử dụng để cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của cơ sở hạ tầng là bất động sản đầu tư trong 30 năm.

12. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn chỉ có chương trình phần mềm.

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

14. Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm: giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tập đoàn phát

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tầng Nhon Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2 NĂM 2017

Cho quý kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày nắm giữ quyền kiểm soát.

Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm. Khi có bằng chứng cho thấy lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ thì số phân bổ trong năm là số tổn thất phát sinh.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của các cổ đông không kiểm soát trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng được ghi nhận.

15. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

16. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông của Tổng Công ty.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Tổng Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn cổ phần”.

17. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Tổng Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tăng Nhơn Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2 NĂM 2017

Cho quý kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

18. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Tập đoàn đã không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Doanh thu bán bất động sản

Doanh thu bán bất động sản mà Tập đoàn đã là chủ đầu tư được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời tất cả các điều kiện sau:

- Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, Tập đoàn đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua.
- Tập đoàn đã không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Tập đoàn đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

Trường hợp khách hàng có quyền hoàn thiện nội thất của bất động sản và Tập đoàn đã thực hiện việc hoàn thiện nội thất của bất động sản theo đúng thiết kế, mẫu mã, yêu cầu của khách hàng theo một hợp đồng hoàn thiện nội thất bất động sản riêng thì doanh thu được ghi nhận khi hoàn thành, bàn giao phần xây thô cho khách hàng.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tầng Nhon Phú, khu phố 3, phường Tầng Nhon Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2 NĂM 2017

Cho quý kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn đã được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

19. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

20. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

21. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

22. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

501
16
CỔ
101
1/1

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tăng Nhơn Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2 NĂM 2017

Cho quý kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối quý	Số đầu năm
Tiền mặt	2.927.587.022	1.786.297.518
Tiền gửi ngân hàng	30.937.487.830	82.989.060.995
Các khoản tương đương	3.500.000.000	8.800.000.000
Cộng	37.365.074.852	93.575.358.513

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn bao gồm chứng khoán kinh doanh, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn như sau:

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng.

2b. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

	Số cuối quý			Số đầu năm		
	Giá gốc	Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư	Cộng	Giá gốc	Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư	Cộng
Công ty TNHH Coats Phong Phú	85.253.638.578	220.523.105.791	305.776.744.369	85.253.638.578	148.468.495.966	233.722.134.544
Công ty cổ phần đầu tư phát triển Phong Phú	50.632.741.945	1.022.202.385	51.654.944.330	50.632.741.945	1.009.687.413	51.642.429.358
Công ty cổ phần đầu tư phát triển nhà và đô thị HUD Sài Gòn	10.000.000.000	1.422.205.205	11.422.205.205	10.000.000.000	1.395.247.976	11.395.247.976
Công ty cổ phần may Đà Lạt	6.769.616.000	(1.995.789.771)	4.773.826.229	6.769.616.000	(1.597.562.463)	5.172.053.537
Công ty TNHH xây dựng Phong Đức	12.171.270.094	1.068.558.023	13.239.828.117	12.171.270.094	1.096.354.287	13.267.624.381
Công ty cổ phần phát triển nhà Phong Phú Daewon Thủ Đức	144.586.200.608	(546.686.530)	144.039.514.078	144.586.200.608	(545.656.596)	144.040.544.012
Công ty cổ phần đầu tư phát triển Phong Phú Lăng Cô	7.299.200.000	(537.649.661)	6.761.550.339	7.299.200.000	(537.649.660)	6.761.550.340
Công ty cổ phần May Gia Phúc	5.000.000.000	(5.000.000.000)	-	5.000.000.000	(5.000.000.000)	-
Công ty cổ phần Xúc tiến Thương mại và Đầu tư Phong Phú	8.710.136.237	4.124.101.993	12.834.238.230	8.469.800.129	4.651.405.279	13.121.205.408
Công ty CP Đầu tư Phong Vân	18.994.120.000		17.882.024.254	18.944.120.000	(992.839.076)	17.951.280.924
Cộng	349.416.923.462	220.080.047.435	568.384.875.151	349.126.587.354	147.947.483.126	497.074.070.480

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tăng Nhơn Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2 NĂM 2017

Cho quý kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Giá trị phần sở hữu của Tập đoàn tại các công ty liên doanh, liên kết như sau:

	Giá trị phần sở hữu đầu năm	Phần lãi hoặc lỗ trong năm	Cổ tức, lợi nhuận được chia trong năm	Các khoản khác	Giá trị phần sở hữu cuối quý
Công ty TNHH Coats Phong Phú	233.722.134.544	150.147.605.267	(77.374.000.000)	(718.995.442)	305.776.744.369
Công ty cổ phần đầu tư phát triển Phong Phú	51.642.429.358	12.509.048		5.924	51.654.944.330
Công ty cổ phần đầu tư phát triển nhà và đô thị HUD Sài Gòn	11.395.247.976	(296.941.388)	(700.000.000)	1.023.898.617	11.422.205.205
Công ty cổ phần may Đà Lạt	5.172.053.537	6.609.952	(423.101.710)	18.264.450	4.773.826.229
Công ty TNHH xây dựng Phong Đức	13.267.624.381	(27.796.264)		-	13.239.828.117
Công ty cổ phần phát triển nhà Phong Phú Daewon Thủ Đức	144.040.544.012	(1.029.934)		-	144.039.514.078
Công ty CP DTPT Phong Phú Lăng Cô	6.761.550.339	-		-	6.761.550.339
Công ty cổ phần Xúc tiến Thương mại và Đầu tư Phong Phú	13.121.205.408	360.645.273	(27.810.000)	(619.802.451)	12.834.238.230
Công ty CP Đầu tư Phong Vân	17.951.280.925	(69.256.671)			17.882.024.254
	497.074.070.480	150.132.345.283	(78.524.911.710)	(296.628.902)	568.384.875.151

2c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối quý		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty cổ phần nguyên phụ liệu dệt may Bình An	13.027.052.451	-	13.027.052.451	-
Công ty CP dệt may Liên Phương	32.288.540.334	-	32.288.540.334	-
Công ty CP DTPT Gia Định	12.533.634.095	-	12.533.634.095	-
Công ty cổ phần dệt may Gia Định Phong Phú	5.852.355.318	(5.072.915.464)	5.852.355.318	(412.689.372)
Công ty cổ phần Len Việt Nam	1.337.103.882	-	1.337.103.882	-
Công ty TNHH sản xuất kinh doanh nguyên liệu dệt may VN	11.282.879.453	(1.724.881.609)	11.282.879.453	(1.724.881.609)
Công ty cổ phần Sài Gòn Rạch Giá	2.984.184.383	(707.891.473)	2.984.184.383	(340.239.134)
Công ty cổ phần thương mại dịch vụ Thuận Phú	12.018.427.562	(1.368.427.562)	12.018.427.562	(1.368.427.562)
Công ty cổ phần Hưng Phú	1.813.677.770	-	1.813.677.770	-
Công ty cổ phần phát triển đô thị dệt may Nam Định	7.500.000.000	-	7.500.000.000	(63.840.180)
Công ty cổ phần bông Tây Nguyên	266.915.000	-	266.915.000	-
Công ty cổ phần Phước Lộc	3.216.754.481	-	3.216.754.481	-
Công ty cổ phần quốc tế Phong Phú	14.093.555.470	-	14.093.555.470	-
Công ty cổ phần Đầu tư Nhà và Phát triển Đô thị Nha Trang	10.000.000.000	-	10.000.000.000	-
Cộng	128.215.080.199	(8.874.116.108)	128.215.080.199	(3.910.077.857)

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tầng Nhon Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2 NĂM 2017

Cho quý kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	<u>Năm nay</u>
Số đầu năm	31.074.004.489
Trích lập dự phòng bổ sung	4.964.038.250
Số cuối quý	<u>36.038.042.739</u>

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>231.787.896.121</i>	<i>213.859.465.698</i>
Công ty TNHH Coats Phong Phú	85.479.993.814	83.849.547.695
Công ty cổ phần đầu tư phát triển Phong Phú	60.574.061.425	49.096.825.798
Công ty cổ phần phát triển nhà Phong Phú		
Daewon Thủ Đức	68.141.231.132	67.867.351.724
Công ty CP xúc tiến thương mại và Đầu tư Phong Phú	13.624.877.334	10.266.070.298
Công ty cổ phần may Gia Phúc	3.967.732.416	2.779.670.183
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	<i>400.070.231.281</i>	<i>540.048.302.163</i>
Công ty TNHH ITG - Phong Phú	110.629.753.768	110.629.753.768
Công ty TNHH thương mại Nhật Khang	9.131.233.364	77.737.998.287
Các khách hàng khác	280.309.244.149	351.680.550.108
Cộng	<u>631.858.127.402</u>	<u>753.907.767.861</u>

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>	<i>105.546.314.637</i>	<i>135.572.092.137</i>
Công ty cổ phần đầu tư phát triển Phong Phú	102.937.399.901	132.963.177.401
Công ty TNHH xây dựng Phong Đức	2.608.914.736	2.608.914.736
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	<i>62.808.229.782</i>	<i>64.088.155.615</i>
Picanol N.V	-	28.117.221.876
Công ty Dệt Hà Nam	23.000.000.000	
Các nhà cung cấp khác	39.808.229.782	35.970.933.739
Cộng	<u>168.354.544.419</u>	<u>199.660.247.752</u>

5. Phải thu về cho vay ngắn hạn/dài hạn

5a. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Cho các bên liên quan vay</i>	<i>165.800.000.000</i>	<i>169.300.000.000</i>
Công ty cổ phần đầu tư phát triển Phong Phú	163.300.000.000	166.800.000.000
Công ty cổ phần phát triển nhà Phong Phú		
Deawon Thủ Đức	2.500.000.000	2.500.000.000
<i>Cho các tổ chức và cá nhân khác vay</i>	<i>-</i>	<i>6.500.000.000</i>
Cộng	<u>165.800.000.000</u>	<u>175.800.000.000</u>

5b. Phải thu về cho vay dài hạn

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty cổ phần thương mại dịch vụ Thuận Phú	4.800.000.000	4.800.000.000

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tăng Nhơn Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2 NĂM 2017

Cho quý kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Cá nhân	1.872.000.000	1.980.000.000
Cộng	<u>6.672.000.000</u>	<u>6.780.000.000</u>

6. Phải thu ngắn hạn/dài hạn khác**6a. Phải thu ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối quý</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
Phải thu các bên liên quan	188.281.009.354	-	230.854.612.397	-
Công ty TNHH Coats Phong Phú - Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	-	74.600.000.000	-
Công ty CP XTTM vPhà DT Phong Phú - Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	-	184.716.108	-
Công ty cổ phần đầu tư phát triển Phong Phú - Cổ tức, lợi nhuận được chia	84.619.188.890	-	71.823.494.446	-
Công ty cổ phần đầu tư phát triển Phong Phú - Phải thu tiền lãi cho vay	86.698.899.788	-	76.335.968.133	-
Công ty cổ phần đầu tư phát triển Phong Phú - Phải thu tiền cho thuê đất	15.918.588.440	-	6.988.025.086	-
Công ty cổ phần phát triển nhà Phong Phú Daewon Thủ Đức - Phải thu tiền lãi vay	1.044.332.236	-	922.408.624	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	107.327.960.391	(4.542.551.090)	120.905.162.980	(4.542.551.090)
Phải thu chuyển nhượng dự án đầu tư	38.655.996.716	-	43.655.996.716	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	68.671.963.675	(4.542.551.090)	77.249.166.264	(4.542.551.090)
Cộng	<u>295.608.969.745</u>	<u>(4.542.551.090)</u>	<u>351.759.775.377</u>	<u>(4.542.551.090)</u>

6b. Phải thu dài hạn khác

	<u>Số cuối quý</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
Phải thu tiền hợp tác kinh doanh	415.827.400.052	-	401.868.488.835	-
Các khoản ký quỹ dài hạn	45.698.831.242	-	45.626.212.402	-
Cộng	<u>461.526.231.294</u>	<u>-</u>	<u>447.494.701.237</u>	<u>-</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tăng Nhơn Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2 NĂM 2017

Cho quý kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

7. Hàng tồn kho

	Số cuối quý		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi trên đường	-	-	138.806.974	-
Nguyên liệu, vật liệu	167.345.424.576	(7.216.329.104)	125.724.124.862	(7.771.060.073)
Công cụ, dụng cụ	462.453.495	-	836.264.274	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	363.394.536.278	(134.577.605)	351.831.740.072	(134.577.605)
Thành phẩm	357.381.803.704	(19.218.169.975)	253.723.580.545	(19.435.833.549)
Hàng hóa	188.324.962	-	320.130.465	(13.613.077)
Hàng gửi đi bán	20.160.047.391	-	20.416.609.160	-
Cộng	908.932.590.406	(26.569.076.684)	752.991.256.352	(27.355.084.304)

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	Năm nay
Số đầu năm	27.355.084.304
Hoàn nhập	(786.007.620)
Tăng trích lập dự phòng	
Số cuối quý	26.569.076.684

8. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn

8a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối quý	Số đầu năm
Chi phí công cụ, dụng cụ	3.803.010.235	341.786.197
Chi phí đồng phục	648.855.637	67.111.291
Chi phí sửa chữa	669.939.703	481.240.201
Chi phí quảng cáo	641.545.457	
Chi phí thuê văn phòng, nhà xưởng, máy móc	1.463.554.250	1.022.200.000
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	681.094.071	508.849.577
Cộng	7.907.999.353	2.421.187.266

8b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối quý	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ	12.332.458.622	7.573.251.877
Chi phí sửa chữa, nâng cấp nhà xưởng	5.599.186.466	3.287.423.234
Chi phí thuê văn phòng làm việc	4.503.500.000	2.378.500.000
Các chi phí trả trước dài hạn khác	4.440.695.033	5.986.102.124
Cộng	26.875.840.121	19.225.277.235

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tăng Nhơn Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2 NĂM 2017

Cho quý kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

9. Tài sản cố định hữu hình

Thông tin về biến động tài sản cố định hữu hình được trình bày ở phụ lục 01

10. Tài sản cố định thuê tài chính

	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
Số đầu năm	67.063.327.205	15.741.084.970	51.322.242.235
Giảm do chuyển sang TSCĐ hữu hình	(41.489.143.522)	(10.312.220.743)	
Khấu hao trong năm		2.154.435.777	
Phân loại lại			
Số cuối năm	25.574.183.683	7.583.300.004	17.990.883.679

11. Tài sản cố định vô hình

	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
Số đầu năm	3.582.749.880	270.111.101	3.312.638.779
Tăng do XDCh	21.703.000		
Giảm khác	(76.000.000)	(76.000.000)	
Khấu hao trong năm		16.666.662	
Số cuối năm	3.528.452.880	210.777.763	3.317.675.117

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số cuối quý	Số đầu năm
Chi phí mua sắm TSCĐ	70.069.453.871	7.184.250.135
XDCB dở dang	500.768.930.057	396.825.494.593
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ	-	5.413.781.016
Cộng	570.838.383.928	409.423.525.744

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tầng Nhon Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh
 BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2 NĂM 2017
 Cho quý kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Phụ lục 01: biến động tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	520.486.728.565	1.930.117.889.900	54.357.891.112	3.387.502.595	460.804.150	2.508.810.816.322
Mua sắm mới	334.692.727	5.800.180.646	494.936.182	1.159.835.000	-	7.789.644.555
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	43.020.730.378	65.408.072.373	-	-	-	108.428.802.751
Tặng khác	-	41.596.760.832	(469.081.442)	469.081.442	-	41.596.760.832
Thanh lý, nhượng bán	(1.007.181.000)	(33.292.653.629)	-	-	-	(34.299.834.629)
Giảm khác	-	(885.000.000)	-	-	-	(885.000.000)
Số cuối kỳ	562.834.970.670	2.008.745.250.122	54.383.745.852	5.016.419.037	460.804.150	2.631.441.189.831
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	200.401.918.886	1.231.188.165.379	36.299.103.355	3.347.073.698	451.070.878	1.471.687.332.196
Khấu hao trong năm	10.531.427.872	53.027.821.540	2.719.641.543	270.388.916	-	66.549.279.871
Thanh lý, nhượng bán	(328.232.910)	(31.832.930.814)	-	-	-	(32.161.163.724)
Giảm khác	-	9.465.137.423	-	-	-	9.465.137.423
Số cuối kỳ	210.605.113.848	1.261.848.193.528	39.018.744.898	3.617.462.614	451.070.878	1.515.540.585.766
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	320.084.809.679	698.929.724.521	18.058.787.757	40.428.897	9.733.272	1.037.123.484.126
Số cuối kỳ	352.229.856.822	746.897.056.594	15.365.000.954	1.398.956.423	9.733.272	1.115.900.604.065

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tầng Nhon Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2 NĂM 2017
Cho quý kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

13. Lợi thế thương mại

Nguyên giá	
Số đầu năm	61.306.069.300
Tăng trong năm	
Số cuối quý	61.306.069.300
Số đã phân bổ	
Số đầu năm	20.597.815.929
Phân bổ trong năm	2.800.447.674
Số cuối quý	23.398.263.603
Giá trị còn lại	
Số đầu năm	40.708.253.371
Số cuối quý	37.907.805.697

14. Phải trả người bán ngắn hạn/dài hạn

14a. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối quý	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	41.170.059.324	38.885.935.615
Tập đoàn dệt may Việt Nam	-	-
Công ty TNHH Coats Phong Phú	32.935.417.692	32.876.284.653
Công ty Cổ phần Xúc tiến TM&ĐT Phong Phú	8.234.641.632	6.009.650.962
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	197.282.735.884	254.437.691.591
Công ty TNHH SXTM Thành Vinh	1.123.549.157	60.231.869.609
Các nhà cung cấp khác	196.159.186.727	194.205.821.982
Cộng	238.452.795.208	293.323.627.206

14b. Phải trả người bán dài hạn

Phải trả tiền mua máy móc thiết bị nhập khẩu của Century Tokyo Leasing Corporation.

15. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối quý	Số đầu năm
Công ty TNHH sản xuất kinh doanh nguyên liệu may Việt Nam	9.962.577.900	9.962.577.900
Beauty Garage Inc	-	2.984.206.423
Các khách hàng khác	13.535.888.058	9.303.621.297
Cộng	23.498.465.958	22.250.405.620

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số cuối quý		Số đầu năm	
	Phải nộp	Phải thu	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	1.649.959.233	19.800	1.398.823.431	2.442.648
Thuế xuất, nhập khẩu	-	26.821.446	-	7.233.939
Thuế thu nhập doanh nghiệp	963.526.621	207.769.015	3.152.945.275	207.769.015
Thuế thu nhập cá nhân	1.087.806.970	160.709.020	6.772.889.309	28.635.986
Thuế tài nguyên	28.200.000	-	25.344.479	-
Tiền thuê đất	15.104.312.192	-	9.865.503.645	-
Các loại thuế khác	-	2.981.356	-	-
Cộng	18.833.805.016	398.300.637	21.215.506.139	246.081.588

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tầng Nhon Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2 NĂM 2017

Cho quý kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

17. Phải trả người lao động

Các khoản tiền lương, phụ cấp, tiền thưởng,... còn phải trả cho công nhân viên.

18. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí lãi vay	947.121.119	1.054.552.357
Chi phí hoa hồng	1.078.037.895	1.483.888.743
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	4.204.846.733	1.268.843.497
Cộng	<u>6.230.005.747</u>	<u>3.807.284.597</u>

19. Phải trả ngắn hạn/dài hạn khác

19a. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>31.134.577.644</i>	<i>8.689.777.904</i>
Tập đoàn dệt may Việt Nam - Phải trả tiền lãi vay	2.489.299.858	2.489.777.904
Tập đoàn dệt may Việt Nam - Phải trả tiền cổ tức Công ty cổ phần đầu tư và phát triển Phong Phú - Tiền mượn	1.200.000.000	1.200.000.000
Công ty cổ phần đầu tư và phát triển Phong Phú - Tiền chuyển nhượng cổ phần nhận trước	5.000.000.000	5.000.000.000
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>	<i>52.692.021.789</i>	<i>22.104.121.125</i>
Kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp	10.080.152.943	4.574.672.919
Lãi vay phải trả	14.661.594.092	14.885.491.314
Cổ tức phải trả	24.034.197.089	963.092.165
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	29.500.000
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	3.916.077.665	1.651.364.727
Cộng	<u>83.826.599.433</u>	<u>30.793.899.029</u>

19b. Phải trả dài hạn khác

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nhận ứng trước dự án và nhận góp vốn hợp tác đầu tư tài chính	6.826.000.000	6.826.000.000
- Công ty cổ phần Dệt may Liên Phương	5.226.000.000	5.226.000.000
- Nhận góp vốn của các tổ chức, cá nhân khác	1.600.000.000	1.600.000.000
Nhận ký quỹ dài hạn khác	6.727.500.000	6.727.500.000
Cộng	<u>13.553.500.000</u>	<u>13.553.500.000</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tăng Nhơn Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2 NĂM 2017

Cho quý kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

20. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn/dài hạn

20a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Số cuối quý	Số đầu năm
<i>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các bên liên quan</i>	20.000.000.000	26.500.000.000
Tập đoàn dệt may Việt Nam	20.000.000.000	26.500.000.000
<i>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	1.358.594.969.303	1.116.070.620.193
Vay ngắn hạn ngân hàng	1.352.198.969.303	1.109.674.620.193
- Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam	198.790.052.215	195.279.479.089
- Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam)	99.323.371.301	130.611.584.851
- Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam	231.496.824.963	245.036.124.211
- Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam	745.967.938.753	423.133.389.300
- Ngân hàng Việt Nam Thương Tín	-	4.721.670.000
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	13.940.345.489	50.483.759.859
- Chi nhánh ngân hàng thương mại cổ phần quân đội Khánh Hòa	29.385.356.260	24.385.015.966
- Ngân hàng thương mại cổ phần quốc tế Việt Nam - Chi nhánh quận 2, TP. Hồ Chí Minh	33.295.080.322	36.023.596.917
Vay ngắn hạn tổ chức khác	6.396.000.000	6.396.000.000
Công ty cổ phần quốc tế Phong Phú	6.396.000.000	6.396.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	15.369.568.042	21.361.238.893
Cộng	1.393.964.537.345	1.163.931.859.086

20b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Số cuối quý	Số đầu năm
<i>Vay và nợ thuê tài chính dài hạn phải trả các bên liên quan</i>	526.345.837.668	521.193.160.628
Tập đoàn dệt may Việt Nam	526.345.837.668	521.193.160.628
Vay dài hạn ngân hàng	438.000.675.537	380.604.541.008
Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam	3.080.000.000	3.080.000.000
Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam)	-	18.293.351.566
Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam	390.710.008.537	307.526.567.058
Ngân hàng thương mại cổ phần An Bình	650.667.000	744.000.000
Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thương Tín	43.560.000.000	45.514.689.264
Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn - Hà Nội	-	5.445.933.120
Vay dài hạn các tổ chức khác	292.614.132.931	293.999.565.107
Công ty cổ phần bất động sản Thăng Lợi	32.000.000.000	32.000.000.000
Onshine Investment Limited	70.331.598.080	70.331.598.080
Hirose Shokai Co., Ltd ^(x)	41.197.019.695	40.413.207.973
Quy bảo vệ môi trường Việt Nam	4.950.000.000	6.030.000.000
Vay dài hạn các cá nhân ^(xi)	144.135.515.156	145.224.759.054
Nợ thuê tài chính ^(xii)	4.098.248.669	8.301.392.606
Trái phiếu thường dài hạn ^(xiii)	314.000.000.000	314.000.000.000
Cộng	1.575.058.894.805	1.518.098.659.349

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tăng Nhơn Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2 NĂM 2017

Cho quý kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

21. Dự phòng phải trả ngắn hạn

Dự phòng nợ phải trả ngắn hạn liên quan đến dự phòng trợ cấp thôi việc.

22. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Quỹ khen thưởng	8.201.944.673	3.017.335.807
Quỹ phúc lợi	4.002.461.809	1.722.687.826
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	12.496.292.514	200.917.514
Cộng	<u>24.700.698.996</u>	<u>4.940.941.147</u>

11/01/2017

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tầng Non Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2 NĂM 2017

Cho quý kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

23. **Vốn chủ sở hữu** **Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
Số dư đầu năm nay	733.505.810.000	35.309.411.225	308.988.929.341	381.828.119	419.038.786.551	132.297.652.377	1.629.522.417.613
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	136.540.826.641	600.177.285	137.141.003.926,00
Trích lập các quỹ	-	-	18.643.308.000,00	-	(46.362.723.403)	(857.452.519)	28.576.867.922,00
Chia cổ tức	-	-	-	-	(132.031.045.800)	(11.495.550.000)	143.526.595.800,00
Các khoản điều chỉnh khác	-	-	-	-	(626.282.470)	-	626.282.470,00
Số dư cuối kỳ	733.505.810.000	35.309.411.225	327.632.237.341	381.828.119	376.356.894.852	120.544.827.143	1.593.731.008.680

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tăng Nhơn Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2 NĂM 2017

Cho quý kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

23a. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tập đoàn dệt may Việt Nam	374.087.960.000	374.087.960.000
Các cổ đông khác	359.417.850.000	359.417.850.000
Cộng	<u>733.505.810.000</u>	<u>733.505.810.000</u>

23b. Cổ phiếu

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	73.350.581	73.350.581
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	73.350.581	73.350.581
- Cổ phiếu phổ thông	73.350.581	73.350.581
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	73.350.581	73.350.581
- Cổ phiếu phổ thông	73.350.581	73.350.581
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>6 tháng 2017</u>	<u>6 tháng 2016</u>
Doanh thu bán hàng hóa	282.390.644.043	256.075.355.999
Doanh thu bán thành phẩm	1.051.414.481.268	1.172.687.523.827
Doanh thu cung cấp dịch vụ	57.886.126.271	83.490.068.219
Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư	852.268.500	9.845.217.554
Doanh thu khác	604.133.000	590.673.000
Cộng	<u>1.393.147.653.082</u>	<u>1.522.688.838.599</u>

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	<u>6 tháng 2017</u>	<u>6 tháng 2016</u>
Chiết khấu thương mại	(737.403.148)	
Giảm giá hàng bán	-	
Hàng bán bị trả lại	(370.071.808)	(50.456.775)
Cộng	<u>(1.107.474.956)</u>	<u>(50.456.775)</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tăng Nhơn Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2 NĂM 2017

Cho quý kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

3. Giá vốn hàng bán

	<u>6 tháng 2017</u>	<u>6 tháng 2016</u>
Giá vốn của hàng hóa đã bán	256.984.324.498	226.249.774.159
Giá vốn của thành phẩm đã bán	912.595.272.575	1.020.651.847.877
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	45.468.897.851	36.267.287.784
Giá vốn của thành phẩm bất động sản đã bán	852.268.500	8.329.792.429
Giá vốn khác	509.352.792	449.842.598
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(231.276.651)	3.185.957.600
Cộng	<u>1.216.178.839.565</u>	<u>1.295.134.502.447</u>

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>6 tháng 2017</u>	<u>6 tháng 2016</u>
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	161.912.739	270.522.600
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	598.287.483	101.008.334
Lãi tiền cho vay	6.312.014.889	6.284.027.029
Cổ tức, lợi nhuận được chia	10.290.783.200	20.510.500.000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	3.569.870.968	4.421.961.788
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	1.271.838.062
Thu nhập do nhượng bán các khoản đầu tư dài hạn	-	6.572.906.417
Doanh thu hoạt động tài chính khác	79.555.449	90.787.869
Cộng	<u>21.012.424.728</u>	<u>39.523.552.099</u>

5. Chi phí tài chính

	<u>6 tháng 2017</u>	<u>6 tháng 2016</u>
Chi phí lãi vay	62.324.294.171	58.984.636.897
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	2.002.090.406	4.635.217.030
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ (Hoàn nhập)/Dự phòng các khoản đầu tư tài chính	2.471.326.852	72.379.420
Chi phí hoạt động tài chính khác	4.964.038.250	340.239.134
Chi phí hoạt động tài chính khác	1.217.847	3.351.252.975
Cộng	<u>71.762.967.526</u>	<u>67.383.725.456</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tăng Nhơn Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2 NĂM 2017

Cho quý kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

6. Chi phí bán hàng

	<u>6 tháng 2017</u>	<u>6 tháng 2016</u>
Chi phí cho nhân viên	9.553.746.205	9.910.275.788
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	54.070.493	191.877.994
Chi phí khấu hao tài sản cố định	51.265.632	51.265.638
Chi phí mua ngoài	8.908.540.137	12.338.540.743
Chi phí khác	24.743.961.303	23.731.875.715
Cộng	<u>43.311.583.770</u>	<u>46.223.835.878</u>

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>6 tháng 2017</u>	<u>6 tháng 2016</u>
Chi phí cho nhân viên	33.329.630.372	30.682.939.605
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3.183.602.444	2.495.785.876
Chi phí thuế và lệ phí	5.800.814.757	7.358.603.561
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.893.642.338	2.005.273.569
Chi phí phân bổ lợi thế thương mại	2.800.447.675	832.122.435
Chi phí dự phòng	223.520.587	98.555.914
Chi phí khác	35.276.682.330	29.470.543.762
Cộng	<u>82.508.340.503</u>	<u>72.943.824.722</u>

8. Thu nhập khác

	<u>6 tháng 2017</u>	<u>6 tháng 2016</u>
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	6.040.996.208	3.624.190.211
Tiền phạt vi phạm hợp đồng	1.923.125.000	3.017.260.000
Thu nhập khác	31.876.382	386.263.963
Cộng	<u>7.995.997.590</u>	<u>7.027.714.174</u>

9. Chi phí khác

	<u>6 tháng 2017</u>	<u>6 tháng 2016</u>
Lỗ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	791.567.115	-
Tiền thuê đất nộp bổ sung	15.870.095.901	-
Phạt do vi phạm hợp đồng	-	22.340.000
Chi phí khác	2.271.491.035	20.142.883
Cộng	<u>18.933.154.051</u>	<u>42.482.883</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tăng Nhơn Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2 NĂM 2017

Cho quý kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

10. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	<u>6 tháng 2017</u>	<u>6 tháng 2016</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông công ty mẹ	136.540.826.642	222.175.918.493
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi		(9.721.106.639)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	136.540.826.642	212.454.811.854
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	73.350.581	73.350.581
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	<u>1.861</u>	<u>2.896</u>

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 7 năm 2017

Lê Thị Tú Anh
Người lập biểu

Đặng Thanh Phước
Kế toán trưởng

Bùi Thị Thu
Phó Tổng Giám đốc